

Số: /TB-BV

Nà Chì, ngày 25 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc mời đơn vị tham gia tư vấn: Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Công văn số 888/SYT-NVD ngày 27/04/2023 của Sở Y tế Hà Giang về việc cho chủ trương đấu thầu mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm năm 2023 - 2024;

Bệnh viện đa khoa Nà Chì thông báo đến các đơn vị tư vấn có năng lực tham gia gói thầu Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc dự án mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế năm 2023 - 2024 (Có danh mục chi tiết kèm theo).

Tổng dự án gói thầu mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế năm 2023 - 2024 là 2.905.972.946đ (Số tiền bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm linh năm triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng).

TT	Nội dung công việc	Khối lượng
01	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu thuộc dự án mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế năm 2023 - 2024	01gói
02	Thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc dự án mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế năm 2023 - 2024	01 gói

Khi nhận được Thông báo này, các đơn vị tư vấn có nhu cầu tham gia đề nghị gửi 01 bộ hồ sơ về Bệnh viện đa khoa Nà Chì huyện Xín Mần.

Tổ Dân phố Nà Chì – xã Nà Chì huyện Xín Mần - Tỉnh Hà Giang trước 10h00 ngày 30/10/2023 để tổ chức lựa chọn tư vấn theo quy định.

Hoặc gửi bản mềm về địa chỉ: dsanhcaubvdknachi@gamil.com.
0838181567

Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia tư vấn;
 - Hồ sơ năng lực của đơn vị có kèm theo các nội dung sau:
 - + Văn bản chứng minh có chức năng trong công tác Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu.
 - + Các hợp đồng tương tự đã ký kết trong thời gian qua (02 năm gần nhất).
 - + Một số thông tin khác có liên quan.
- Bệnh viện đa khoa Nà Chì trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Hải Võ

GÓI THẦU MUA VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM VÀ SINH PHẨM Y TẾ

(Kèm theo Thông báo số /TB-BV ngày tháng 10 năm 2023 của Bệnh viện đa khoa Nà Chì)

STT	Mã số theo nhóm	Danh mục vật tư y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Hãng sản xuất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Nhóm 1. Băng, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương							
		1.1 Băng							
		Băng (gòn), băng tẩm dung dịch các loại, các cỡ							
1	N01.01.010	Bông y tế thấm nước	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị tơi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và	Túi 1kg	An Lành - Việt Nam	Kg	80	128.000	10.240.000

			dịch phủ tạng.						
		Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương							-
		2.1 Băng							-
		Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ							-
2	N02.01.010	Băng bó Bột cỡ 20cm x 4,6m	Kích thước 20cm x 4.6m. Sản xuất bởi bột thạch cao được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gạc thấm. Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước. Thời gian đông kết nhẹ: khoảng 3-5 phút.	Túi 1 cuộn	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên - Việt Nam	Cuộn	150	23.000	3.450.000

3	N02.01.010	Băng bó Bột cỡ 15cm x 4,6m	Kích thước 15cm x 4.6m. Sản xuất bởi bột thạch cao được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gạc thấm. Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước. Thời gian đông kết nhẹ: khoảng 3-5 phút..	Túi 1 cuộn	Anji Sunlight Medical Products Co.,Ltd;Trung Quốc	Cuộn	500	20.000	10.000.000
4	N02.01.010	Băng bó Bột cỡ 10cm x 2,7m	Làm từ bột thạch cao liên gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). Vở là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút	Túi 1 cuộn	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên - Việt Nam	Cuộn	400	11.000	4.400.000
5	N02.01.020	Băng thun y tế 2 móc 7,5 cm x 4,5m	Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân.... • Băng màu trắng đến	Túi 1 cuộn	An Lành - Việt Nam	Cuộn	500	8.900	4.450.000

			trắng ngà, không lẫn các sợi khác và các tạp chất cứng, vải mềm mịn, có độ đàn hồi cao. Băng thoáng mát, dễ chịu. • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng. • Có móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng.						
6	N02.01.020	Băng thun y tế 3 móc 10 cm x 4,5m	Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân.... • Băng màu trắng đến trắng ngà, không lẫn các sợi khác và các tạp chất cứng, vải mềm mịn, có độ đàn hồi cao. Băng thoáng mát, dễ chịu. • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng. • Có móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng.	Túi 1 cuộn	An Lành - Việt Nam	Cuộn	250	11.445	2.861.250

		Băng cuộn, băng cá nhân các loại, các cỡ							-
7	N02.01.040	Băng cuộn 10cm x 5 m	Kích thước: 10cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.	Gói 10 cuộn	An Lành - Việt Nam	Cuộn	10.000	2.950	29.500.000
8	N02.01.040	Băng cuộn 5cm x 5 m	Kích thước: 5cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.	Gói 10 cuộn	An Lành - Việt Nam	Cuộn	5.000	1.300	6.500.000
		2.2 Băng dính							-

		Băng dính các loại, các cỡ							-
9	N02.03.030	Băng dính vô trùng cố định kim lồn	Băng dính vô trùng không thấm nước, không gạc, cố định kim lồn size 60x70 mm	Cuộn 1 miếng	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare; Việt Nam	Cuộn	1500	3.400	5.100.000
10		Băng dính cuộn vải lụa y tế 5cm x 5m	Kích thước 5cm*5cm. Được tạo thành từ nguyên liệu vải lụa, được quấn vào lõi nhựa, keo được sử dụng là kẽm oxyt; Acrylic. Là sản phẩm băng keo y tế được sử dụng băng vết thương sau phẫu thuật, cố định dụng cụ y khoa...	Hộp 1 cuộn	Urgo - Thái Lan	Cuộn	2000	38.000	76.000.000
11	N02.02.020	Băng dính cuộn vải lụa y tế 2.5cmx5m	Kích thước 2,5cm*5cm Được tạo thành từ nguyên liệu vải lụa, được quấn vào lõi nhựa, keo được sử dụng là kẽm oxyt; Acrylic. Băng dính y tế An Phú là sản phẩm băng keo y tế được sử dụng băng vết thương sau phẫu thuật, cố định dụng cụ y khoa...	Hộp 1 cuộn	Công ty CPDP Và TBYT An Phú - Việt Nam	Cuộn	1200	10.000	12.000.000

12	N02.03.030	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.	Gói 10 cái	An Lành - Việt Nam	Cái	15.000	798	11.970.000
13		Gạc Phẫu thuật Ổ Bụng 30 x 40cm x 6 lớp, CQVT (5 cái/gói)	Thành phần: Vải dệt hút nước, Thanh/sợi cản quang. Đặc tính: - Khả năng hút nước: > 5 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước: < 8 s; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện; - Quy cách: 30 x 40cm x 6 lớp, cản quang. - Đóng gói: 5 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt	5 miếng/gói	Danameco/Việt Nam	Miếng	20.000	4.949	98.980.000

			trùng bằng EO-Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015..						
14		Bông gạc đắp vết thương 6 x 22cm (Gạc KD), VT (1 cái/gói)	Thành phần: Vải không dệt hút nước; Bông hút nước 100% cotton. Đặc tính: - Quy cách: 6 x 22cm. - Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa 2 lớp gạc (vải không dệt hút nước). - Tốc độ hút nước: ≤ 8 s; - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g bông; - Hàm lượng chất tan trong nước: ≤ 0.5 g/100g ; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Hàm lượng clorid: $\leq$ 0.005 %; - Hàm lượng tro sulfat: $\leq$ 0.4 %; - Hàm lượng chất béo: $\leq$	Gói 1 cái	Danameco/ Việt nam	Cái	10.000	1.600	16.000.000

			0.5 %; - Chất màu: Dịch chiết không màu; - Độ ẩm: ≤ 8%; - Chất tăng trắng huỳnh quang (phát quang): Không có Đóng gói: 1 cái/gói. Sản phẩm được đóng trong bao tiệt trùng dùng trong y tế có chỉ thị màu, tiệt trùng bằng khí EO-Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015.						
15		Gạc Phẫu thuật 10 x 10cm x 8 lớp, CQVT (10 cái/gói)	Thành phần: Vải dệt hút nước, Thanh/sợi cản quang. Đặc tính: - Khả năng hút nước: > 5 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước: < 5 s; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. - Quy cách: 10 x 10cm x 8 lớp, cản quang.	Gói 10 cái	Danameco/Việt Nam	Cái	25.000	505	12.625.000

			- Đóng gói: 10 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015.						
16		Gạc cầu sản khoa Fi 45mm, VT (1 cái/gói)	Thành phần: vải dệt hút nước, bông hút nước, dây su Đặc tính: - Khả năng hút nước: > 5 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước: < 8 s; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. - Quy cách: Fi 45mm Đóng gói: 1 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas. Đạt TCVN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Gói 1 cái	Danameco/ Việt nam	Cái	12.000	2.900	34.800.000

17	N02.03.030	Gạc phẫu thuật không dệt 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp vô trùng	Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.	Gói 5 cái	An Lành - Việt Nam	Cái	5.000	420	2.100.000
18		Gạc cầu Fi 30mm x 1 lớp, VT (10 cái/gói)	Thành phần: vải dệt hút nước, dây su Đặc tính: - Khả năng hút nước: > 5 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước: < 8 s; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. - Quy cách: Fi 30mm x 1 lớp Đóng gói: 10 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas. Đạt TCVN ISO	Gói 10 cái	Danameco/Việt nam	Cái	10.000	263	2.625.000

			13485:2016, ISO 9001:2015						
19		Bông gạc đắp vết thương 8 x 15cm (Gạc KD), VT (1 cái/gói)	Thành phần: Vải không dệt hút nước; Bông hút nước 100% cotton. Đặc tính: - Quy cách: 8 x 15cm. - Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa 2 lớp gạc (vải không dệt hút nước). - Tốc độ hút nước: ≤ 8 s; - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g bông; - Hàm lượng chất tan trong nước: ≤ 0.5 g/100g ; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Hàm lượng clorid: $\leq$ 0.005 %; - Hàm lượng tro sulfat: $\leq$ 0.4 %; - Hàm lượng chất béo: $\leq$	Gói 1 cái	Danameco/Việt nam	Cái	7.000	1.360	9.520.000

			0.5 %; - Chất màu: Dịch chiết không màu; - Độ ẩm: ≤ 8%; - Chất tăng trắng huỳnh quang (phát quang): Không có Đóng gói: 1 cái/gói. Sản phẩm được đóng trong bao tiệt trùng dùng trong y tế có chỉ thị màu, tiệt trùng bằng khí EO-Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015						
		2.3 Vật liệu cầm máu, điều trị các vết thương							-
		Nhóm 3. Bơm kim tiêm các loại các cỡ...							-
		3.1 Bơm tiêm							-

		Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ							-
20	N03.01.010	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.	Hộp 25 cái	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam;việt nam	Cái	500	4.200	2.100.000
		Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ							-
		Bơm tiêm dùng nhiều lần các loại, các cỡ							-
		Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ							-

21	N03.01.060	Bơm tiêm Insulin 1ml/40UI	• Kim sắc bén giúp ít đau và thoải mái hơn • Thiết kế Uni-Body nâng cao • Thiết kế không gian chết thấp đảm bảo chính xác và hạn chế hao hụt thuốc • Đầu kim vát 3 mặt chính xác, phủ Silicon, nút chặn pít tông và ống tiêm trong suốt, vạch chia lớn dễ đọc • Kim sử dụng một lần • Không chứa chất dị ứng, không chứa latex. Không độc hại, không gây sốt • Dung tích 1ml • Tiệt trùng bằng khí EO TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu	Túi 1 cái	Poly Medicure Limited - Ấn Độ	Cái	5.000	1.890	9.450.000
----	------------	---------------------------------	--	-----------	----------------------------------	-----	-------	-------	-----------

22	N03.01.060	Bơm tiêm Insulin 1ml/100UI	• Kim sắc bén giúp ít đau và thoải mái hơn • Thiết kế Uni-Body nâng cao • Thiết kế không gian chết thấp đảm bảo chính xác và hạn chế hao hụt thuốc • Đầu kim vát 3 mặt chính xác, phủ Silicon, nút chặn piston và ống tiêm trong suốt, vạch chia lớn dễ đọc • Kim sử dụng một lần • Không chứa chất dị ứng, không chứa latex. Không độc hại, không gây sốt • Dung tích 1ml • Tiệt trùng bằng khí EO TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu	Túi 1 cái	Poly Medicure Limited - Ấn Độ	Cái	10.000	3.300	33.000.000
		Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ							-

23	N03.01.070	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 20ml, cỡ kim 23Gx1", có nắp đậy, pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016/	Hộp 50 cái	Công ty CP nhựa y tế Việt Nam - Việt Nam	Cái	5.000	1.800	9.000.000
24	N03.01.070	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 10ml, cỡ kim 23Gx1", 25Gx1", có nắp đậy, pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Hộp 100 cái	Công ty CP nhựa y tế Việt Nam - Việt Nam	Cái	50.000	1.000	50.000.000

25	N03.01.070	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 5ml, cỡ kim 23Gx1", 25Gx1", 25Gx5/8", có nắp đậy, pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói dạng ép vỉ đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Hộp 100 cái	Công ty CP nhựa y tế Việt Nam - Việt Nam	Cái	60.000	670	40.200.000
26	N03.01.070	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 1ml, cỡ kim 26Gx1/2", 25Gx5/8". Sản phẩm đóng gói đảm bảo vô trùng, Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Hộp 100 cái	Công ty CP nhựa y tế Việt Nam - Việt Nam	Cái	2.000	650	1.300.000
		3.2 Kim tiêm							-
		Kim cánh bướm các							-

		loại, các cỡ							
27	N03.02.020	Kim cánh bướm 23G, 25G	Dây được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Cỡ kim 23Gx3/4", 25Gx3/4" . Mũi kim sắc bén. Để dây lắp vừa dây truyền dịch và bơm tiêm. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không độc tố, không chất gây sốt.Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Túi 5 cái	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long - Việt Nam	Cái	20.000	2.350	47.000.000
		Kim chích máu các loại, các cỡ							-
28	N03.02.030	Kim chích máu an toàn	Dùng để lấy máu mao mạch cho các xét nghiệm máu. Sản phẩm sử dụng một lần.	Hộp 200 cái	Henso Medical - Trung Quốc	Cái	5000	250	1.250.000
		Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ							-
		Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ							-

29	N03.02.070	Kim luôn tĩnh mạch trẻ em, sơ sinh số 24G	Kim luôn tĩnh mạch an toàn, có cánh, có cửa, cửa chích thuốc với nắp tự khóa để dễ dàng mở và đóng, có đầu bảo vệ bằng nhựa. • Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, có khả năng lưu kim đến 96h. • Nguyên liệu FEP • Tiệt trùng bằng khí EO TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu • Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng dòng chảy 11907: 24G x 3/4": Ø 0.7/19mm - 23ml/min	Hộp 50 cái	RAY S.p.a	Cái	5.000	8.000	40.000.000
----	------------	---	--	------------	-----------	-----	-------	-------	------------

30	N03.02.070	Kim luân tĩnh mạch 18G	• Kim luân tĩnh mạch an toàn, có cánh, có cửa, cửa chích thuốc với nắp tự khóa để dễ dàng mở và đóng, có đầu bảo vệ bằng nhựa. '• Kim luân tĩnh mạch an toàn, có cánh, có cửa, cửa chích thuốc với nắp tự khóa để dễ dàng mở và đóng, có đầu bảo vệ bằng nhựa. • Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, có khả năng lưu kim đến 96h. • Nguyên liệu FEP • Tiệt trùng bằng khí EO • Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng dòng chảy 11903: 18Gx13/4": Ø 1.3/45mm - 100ml/minn	Hộp 50 cái	RAYS S.p.a	Cái	2500	7.500	18.750.000
----	------------	------------------------	---	------------	------------	-----	------	-------	------------

31	N03.02.070	Kim luôn tĩnh mạch 22G	• Kim luôn tĩnh mạch an toàn, có cánh, có cửa, cửa chích thuốc với nắp tự khóa để dễ dàng mở và đóng, có đầu bảo vệ bằng nhựa. • Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, có khả năng lưu kim đến 96h. • Nguyên liệu FEP • Tiệt trùng bằng khí EO • Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng dòng chảy 11906: 22Gx1": Ø 0.9/25mm - 36ml/min	Hộp 50 cái	RAYS S.p.a	Cái	5.000	7.500	37.500.000
		Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ							-
32	N03.02.080	Kim tiêm nha khoa	Cỡ kim: 27G- Chiều dài kim: 21mm/30mm- Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC	Hộp 100 cái	Kofu Factory of Terumo Corporation; Nhật Bản	Cái	1.000	2.000	2.000.000

33	N03.02.06	Kim lấy thuốc	- Kim các cỡ: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt, không DEHP (có phiếu phân tích chất lượng). Đạt chứng nhận EN ISO 13485: 2016;	Hộp 100 cái	Tanaphar/Việt Nam	Cái	30.000	430	12.900.000
		3.3 Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác							-
		Kim chọc, kim chọc dò các loại, các cỡ							-

34	N03.03.010	Kim chọc dò gây tê tủy sống	• Kim chọc dò tủy sống, thích hợp cho gây tê tủy sống • Dễ chọc với đầu kim vát Quincke point. • Kim có tốc độ dòng chảy mượt cho phép chất lỏng trong cột sống chảy nhanh hơn • Tốc độ dòng chảy cao để phát hiện dịch não tủy chảy ra. • Chuôi kim trong suốt, có phản quang, có dấu hiệu nhận biết mặt vát hướng lên hoặc hướng xuống • Tiệt trùng bằng khí EO TCCL: ISO • Thông số kỹ thuật: 20921: 18Gx3.50IN - Ø1.2x90± 0.1mm 20923: 20Gx3.50IN - Ø0.9x90± 0.1mm 20925: 22Gx3.50IN - Ø0.7x90± 0.1mm 20928: 25Gx3.50IN - Ø0.5x90± 0.1mm	200 cái/ hộp	Poly Medicure Limited - Ấn Độ	Cái	700	18.000	12.600.000
		Kim dùng trong thiết bị							-

		dẫn sóng các loại, các cỡ							
35	N03.03.060	Kim quang dùng cho máy Laser nội mạch	Kết hợp với kim luân, dùng trong laser nội mạch. Đóng gói tiệt trùng.	50 cái/ hộp	Guilin Kangxing Medical Instrument Co., Ltd;Trung Quốc	Cái	500	34.000	17.000.000
		3.4 Kim châm cứu							-
		Kim châm cứu các loại, các cỡ							-
36	N03.04.010	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Thân kim được làm bằng sợi thép không gỉ, đốc kim được cuốn tròn đều. Các cỡ.	100 cái/ túi	ChangChun AIK Medical Devices Co., Ltd - TQ	Cái	100.000	480	48.000.000
		3.5 Dây truyền, dây dẫn							-

		Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm)							-
37	N03.05.010	Bộ dây truyền dịch và kim cánh bướm	Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Túi 1bộ	Tanaphar/Việt Nam	Bộ	45.000	4.098	184.410.000
		Dây dẫn, dây truyền máu, truyền chế phẩm máu các loại, các cỡ							-
38	N03.05.030	Bộ dây truyền máu	Loại 2 buồng, chiều dài dây 150cm	Túi 1bộ	Wenzhou K.L.F. Medical Plastics Co., Ltd - Trung Quốc	Bộ	200	9.400	1.880.000

		Dây nối đi kèm dây truyền các loại, các cỡ							-
39	N03.05.0	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	Loại chiều dài 75cm	Túi 1 cái	Wenzhou K.L.F. Medical Plastics Co., Ltd - Trung Quốc	Cái	500	6.500	3.250.000
		Khóa đi kèm dây dẫn, đi kèm hoặc không đi kèm dây truyền được dùng trong truyền dịch, truyền máu, truyền khí các loại, các cỡ							-
40	N04.03.060	Khóa ba ngã không dây	Sản phẩm được làm từ vật liệu an toàn, không chứa DEHP hoặc các thành phần khác gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh Không dây, nòng trong tron nhãn đảm bảo dòng	Túi 1 cái	Wenzhou K.L.F. Medical Plastics Co., Ltd - Trung Quốc	Cái	1.000	4.580	4.580.000

			chảy. Có đầu kết nối với khóa luer lock Nhựa PVC mềm trong suốt nhẵn bóng						
		3.6 Găng tay							-
		Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ							-
41	N03.06.030	Găng cao su các loại, các cỡ (có bột)	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên. Chiều dài tổng thể tối thiểu tất cả các số 240mm; Chiều rộng: XS: 70 ± 10 ; S: 80 ± 10 ; M: 95 ± 10 ; L: 95 ± 10 ; XL: 120 ± 10 . Độ dày đầu ngón tay (0.10 ± 0.02), độ dày lòng bàn tay (0.10 ± 0.02); độ giãn dài tối thiểu trước lão hóa (650%) và độ dẫn dài tối thiểu sau lão hóa (500%); Độ dai tối thiểu trước khi dùng 18MPa và độ dai tối thiểu	Hộp 50 đôi	Sritrang - Thái Lan	Đôi	50.000	1.150	57.500.000

			sau khi dùng 14MPa. Hàm lượng bột tối đa 10mg/dm ² . Protein: Tối đa 200 ug/g.						
		Găng tay vô trùng trùng trong thăm dò chức năng, xét nghiệm các loại, các cỡ							-
42		Găng tay sản khoa dài tay (số M, L)	Găng sản khoa (găng khám sản) chưa tiết trùng sản xuất từ latex cao su thiên nhiên phủ bột chống đính, sử dụng một lần. - Bề dày: min 0,15mm - Chiều dài: 490 ±10 mm - Chiều rộng lòng bàn tay: + Size 7: 89±5mm + Size 7 1/2: 95±5mm - Lực kéo đứt: + Trước lão hóa: min 12,5N + Sau lão hóa: min 9,5N - Độ giãn dài khi đứt: + Trước lão hóa: min 700%	Hộp 50 đôi	Nam Tín/Việt nam	Đôi	3000	14.000	42.000.000

			+ Sau lão hóa: min 550% c. Lỗ thủng: AQL 1.5 Găng đạt tiêu chuẩn TCVN 6343-1:2007 Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 Quy cách: 10 đôi/túi						
		Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ							-
43		Găng phẫu thuật tiệt trùng các số: 6.5- 7.0-7.5-8.0	Kích cỡ: Chiều dài tổng thể tối thiểu tất cả các số 280mm; Chiều rộng: số 5.5 (72mm ± 4); số 6 (77 mm ± 5); số 6.5 (83mm ± 5); số 7 (89mm ± 5); số 7.5 (95mm ± 5); số 8 (102mm ± 6); số 8.5 (108mm ± 6); số 9 (114mm ± 6) độ dày đầu ngón tay (0.15mm ± 0.02),	Hộp 50 đôi	Tân Xuân Tâm/Việt nam	Đôi	6.000	5.250	31.500.000

			độ dày lòng bàn tay (0.13mm ± 0.02); độ dày cổ tay (0.12mm± 0.02); độ giãn dài tối thiểu trước lão hóa (750%) và độ giãn dài tối thiểu sau lão hóa (560%); Độ dai tối thiểu trước khi dùng 24MPa và độ dai tối thiểu sau khi dùng 18MPa. Hàm lượng bột tối đa 15mg/dm ² . Được tiệt trùng bằng tia Gamma						
		3.7 Túi, lọ và vật tư bao gói khác							-
		Túi, bao gói tiệt trùng các loại, các cỡ							-
44	N03.07.030	Túi máu đơn 250ml	• Túi máu dùng để thu thập máu với thể tích 250ml, có chứa 35ml chất chống đông CPDA-1, bảo quản máu toàn phần trong 35 ngày • Kim lấy máu kích thước 16G được tiệt trùng, • 1 dây lấy máu toàn phần dài 1100 ±50mm, trên dây	Túi 250ml	Terumo BCT Vietnam Co., Ltd.;Việt Nam	Túi	300	50.000	15.000.000

			có 14 đoạn mã. • Thiết kế túi máu bo tròn. TCCL: ISO, CE						
		Túi, lọ, cát-sét (cassette) đựng hoặc đo lượng chất thải tiết, dịch xả các loại, các cỡ							-
45	N03.07.060	Túi đựng nước tiểu	Túi nước tiểu van xả chữ T dung tích 2000ml, chất liệu nhựa y tế đã tiệt trùng, không gây dị ứng. Sử dụng một lần vô trùng	Túi 1 bộ	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd;Trung Quốc	Bộ	800	5.800	4.640.000
		Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ							-

46	Ống lưu mẫu máu kháng đông EDTA	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm, Nắp xanh dương,nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 1ml hoặc 2ml máu với vạch lấy mẫu 1ml hoặc 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức	Hộp 100 cái	Công ty Cổ phần nhựa Đức Minh - VN/Việt nam	Cái	20.000	900	18.000.000
----	---------------------------------	--	-------------	---	-----	--------	-----	------------

			năng kiểm định với nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.						
47		Ống lưu mẫu máu kháng đông Natri Citrate	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống . Nắp màu xanh lá cây. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%, hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml	Hộp 100 cái	Công ty Cổ phần nhựa Đức Minh - VN/Việt nam	Cái	15000	745	11.175.000

			máu trên nhãn ống. Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ của dung dịch trinati citrate dihydrat phải ở trong khoảng từ 0,1mol/l đến 0,136mol/l (tương ứng 2,94% đến 4,0%) và Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút, Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu.						
48		Ống lưu mẫu máu kháng đông Heparin	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET, Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Heparin lithium dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Hộp 100 cái	Công ty Cổ phần nhựa Đức Minh - VN/Việt Nam	Cái	30.000	1.100	33.000.000
		Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối,							-

		catheter							
		4.1 Ống thông							-
		Ca-nuyn (cannula) các loại, các cỡ							-
49	N04.01.010	Canuyn mayo (nhựa)	• Công dụng: duy trì đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê. • Được làm từ Polyethylene không độc hại. • Size có sẵn: - Size 0 - 60mm - đen # 50 cái/hộp. - Size 1 - 70mm - trắng # 50 cái/hộp. - Size 2 - 80mm - xanh lá # 50 cái/hộp. - Size 3 - 90mm - vàng # 50 cái/hộp. - Size 4 - 100mm - đỏ # 50 cái/hộp.	Túi 1 cái	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	100	4.950	495.000

		Ống nội khí quản sử dụng một lần các loại, các cỡ (bao gồm ống nội khí quản canlene)							-
50	N04.01.030	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	Ống đặt nội khí quản có bóng, làm bằng chất liệu nhựa PVC, có tia cản quang dọc thân ống. Sản phẩm được tiệt trùng 100% bằng khí EO	Túi 1 cái	Hitec Medical Co., Ltd;Trung Quốc	Cái	600	19.500	11.700.000
51	N04.01.090	Sonde cho ăn dành cho nhi	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu có nắp đậy, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây. Trên dây có 03 vạch đánh dấu cách đầu bo một khoản lần lượt là 20cm, 30cm, 40cm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	Túi 1 cái	Hoàng Sơn - Việt Nam	Cái	500	4.800	2.400.000

52	N04.01.090	Sonde cho ăn các cỡ	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 1.250 mm. Một đầu dây được gắn phễu có nắp đậy, đầu còn lại được bo tròn. Có 4 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây. Trên dây có 04 vạch đánh dấu cách đầu bo một khoảng lần lượt là 45cm, 55cm, 65cm, 75cm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	Túi 1 cái	Hoàng Sơn - Việt Nam	Cái	700	4.800	3.360.000
53	N07.05.0	Sonde Foley 2 nhánh cỡ số	2 nhánh. Chất liệu cao su, bề mặt ống phủ Silicone , độ cong thích hợp. Tron láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da	Túi 1 cái	Zhanjiang Star Enterprise Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	1.000	12.500	12.500.000
54	N07.05.020	Sonde Nelaton các số	Ống dài 40cm, bằng cao su. Đầu hờ với 2 lỗ bên giúp dẫn lưu tối đa. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Túi 20 cái	Sainty - Trung Quốc	Cái	1000	5.500	5.500.000
		4.2 Ống dẫn lưu, ống hút							-
		Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ							-

55	N04.02.030	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số	Dây trơn láng, mềm dẻo và trong suốt, không gây động dịch máu trong dây.	Túi 1 cái	Forte Grow - Việt Nam	Cái	1000	11.000	11.000.000
		Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ							-
56	N04.02.060	Dây hút dịch phẫu thuật	Dây làm từ nhựa PVC y tế dài 3.6mm	Túi 1 cái	Hospitech Manufacturing Services Sdn. Bhd.	Cái	500	70.000	35.000.000
57	N04.02.060	Dây hút nhót các số	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn với khóa van điều chỉnh, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	Túi 1 cái	Hoàng Sơn - Việt Nam	Cái	1.300	3.150	4.095.000
		4.3 Ống nối, dây nối, chạc nối							-

		Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ							-
58	N04.03.030	Dây thở oxy 2 nhánh các cỡ	Dây làm từ nhựa PVC y tế	Túi 1 cái	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd;Trung Quốc	Cái	1500	6.000	9.000.000
		Ống nối, dây nối, chạc nối (adapter) dùng trong thiết bị các loại, các cỡ							-
		4.4 Catheter							-
		Ống thông (catheter) các loại, các cỡ							-
59	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 7F, kim thẳng G16/G18/G18, dài 20cm	Bộ ống thông (Catheter) được đặt vào tĩnh mạch trung tâm trong ICU, Can thiệp tim mạch... Bộ được đóng gói vô khuẩn, có đủ: Catheter 2 nòng, Kim và xi lanh 5ml, Dây dẫn	Túi 1 bộ	Guangdong Baihe Medical Technology Co., Ltd;Trung Quốc	Bộ	50	318.000	15.900.000

			hướng, Cây nông, Kẹp di động để chặn khóa dòng chảy						
		Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật							-
		5.1 Kim khâu							-
		Kim khâu các loại, các cỡ							-
60	N05.01.010	Kim khâu da	• Được sản xuất bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhọn, sắc nhọn. • Công dụng: dùng để khâu vết thương.	Túi 10 cái	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	1000	1.200	1.200.000
61	N05.01.010	Kim khâu ruột	• Được sản xuất bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhọn, sắc nhọn. • Công dụng: dùng để khâu vết thương.	Túi 10 cái	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	700	1.200	840.000
		5.2 Chỉ khâu							

									-
		Chỉ khâu đặc biệt các loại, các cỡ							-
62	N05.02.020	Chỉ lạnh	Có các size và chiều dài như sau: • Size 20 160m • Size 30 190m • Size 40 220m • Size 50 260m • Size 60 300m • Size 70 320m • Size 80 360m • Size 100 430m Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Hộp 10 cuộn	DMC - Pháp	Cuộn	10	97.500	975.000
		Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ							-
63	N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 2/0 dài 75cm	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide (nylon) số 2/0 75cm kim tam giác 3/8C, làm thép 302 phủ silicone 24mm. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiêu chuẩn CE - Châu Âu	Hộp 12 sợi	SMI-Bỉ	Sợi	200	17.800	3.560.000

		Chỉ khâu liền kim các loại, các cỡ							-
64	N05.02.040	Chỉ khâu liền kim Chromic Catgut số 1 dài 90cm	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 1 dài 90cm kim tròn 1/2C dài 40mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bề dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone	Hộp 12 sợi	SMI-Bỉ	Sợi	500	34.000	17.000.000
65	N05.02.040	Chỉ khâu liền kim Chromic Catgut số 2/0 dài 70cm-75cm	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 26mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bề dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Sợi chỉ làm bằng collagen tinh khiết. Kim thép 300, 302 phủ silicone . Tiêu chuẩn ISO CE - Châu Âu	Hộp 12 sợi	SMI-Bỉ	sợi	500	22.000	11.000.000
66	N05.02.050	Chỉ khâu liền kim Polyglactin 910 số 1 dài 90cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) số 1 dài 90cm kim tròn 1/2C dài 40mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn	Hộp 12 sợi	SMI-Bỉ	sợi	600	65.500	39.300.000

			trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ 300, 302 phủ silicone						
67	N05.02.060	Chỉ khâu tiêu nhanh Polyglactine 910 số 2/0 dài 90cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly(90 glycolide-co-L-10 Lactide) số 2/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 26mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ 300, 302 phủ silicone	Hộp 12 sợi	SMI-Bỉ	Sợi	450	74.500	33.525.000
68	N05.02.040	Chỉ khâu liên kim Polyglactin 910 số 3/0 dài 75cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) số 3/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 26mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ 300, 302 phủ silicone	Hộp 12 sợi	SMI-Bỉ	Sợi	350	41.000	14.350.000
		Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các loại, các cỡ							-

69	N05.03.080	Lưỡi dao mổ vô trùng các số	Thép không rỉ các số	Hộp 100 cái	SMI A.G;Bỉ	Cái	3500	1.500	5.250.000
		Bơm áp lực các loại, các cỡ							-
70	N07.01.220	Bơm Karman 1 van	Bơm được làm bằng nhựa không latex. Đóng gói: đóng gói riêng biệt từng túi	Túi 1 cái	WomanCare Global; Pacific Hospital Supply Co., Ltd;Hoa Kỳ;	Cái	5	286.000	1.430.000
71	N07.01.220	Bơm Karman 2 van	Bơm được làm bằng nhựa không latex. Đóng gói: đóng gói riêng biệt từng túi	Túi 1 cái	WomanCare Global; Pacific Hospital Supply Co., Ltd;Hoa Kỳ	Cái	5	380.000	1.900.000
		Phim X- quang các loại, các cỡ							-
72		Phim khô y tế DI-HL 25x30 cm	Phim khô Laser cỡ 25x30 cm, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, CE. Hộp 150 tờ	Hộp 150 tờ	Fuji - Nhật Bản	Tờ	16500	23.000	379.500.000

		Băng keo thử nhiệt các loại, các cỡ							-
73	N08.00.030	Chỉ thị hóa học đơn thông số (Hấp ướt), có keo Acrylate, sử dụng bên trong gói dụng cụ 1.5 cm x 20 cm (1250)	* Chỉ thị hóa học hơi nước 1250 là một dải giấy được in bằng mực chỉ thị hóa học chuyển từ trắng sang nâu sậm hoặc đen khi tiếp xúc với hơi nước trong quá trình tiệt khuẩn * Chỉ thị đặt bên trong gói, cho biết liệu hơi nước có xâm nhập đến vị trí của chỉ thị, thường là trung tâm của gói hay không. * Phản ứng với hơi nước, thời gian và nhiệt độ * Kiểu đục lỗ ở giữa cho phép sử dụng toàn bộ hoặc nửa chiều dài cho kích thước gói khác nhau * Là chỉ thị hóa học bên trong loại 4 theo phân loại của ISO 11140-1:2014. * Sau khi sử dụng, chỉ thị sẽ không thay đổi màu trong vòng 6 tháng khi được bảo quản đúng điều kiện khuyến nghị trong	240 test / hộp	3M Company; Hoa Kỳ	Hộp	7	792.000	5.544.000

			hướng dẫn sử dụng						
74	N08.00.030	Chỉ thị hóa học đa thông số (Hấp ướt), sử dụng bên trong gói dụng cụ 1243A	Khi đạt đủ 3 điều kiện về nhiệt độ cần thiết - thời gian - áp suất hơi nước, túi mực sẽ tan chảy và thấm vô bậc giấy hình thành vạch chỉ thị hóa học. + Paper 75% + Salicylamide 2% - 3%	500 test / gói	3M Company; Hoa Kỳ	Gói	5	1.650.000	8.250.000
75	N08.00.030	Băng chỉ thị hấp ướt	Thiết kế băng giấy phủ keo dính Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học	Túi 1 cuộn	3M Canada Co.; Canada	Cuộn	110	128.000	14.080.000
		Bao bọc đầu thiết bị siêu âm các loại, các cỡ							-
		Đầu côn các loại, các cỡ							-

76	N08.00.190	Đầu côn vàng	Dùng để cắm vào pipette để hút máu làm xét nghiệm; dùng trong y tế	Túi 1000 cái	Nantong Renon - Trung Quốc	Cái	10.000	50	500.000
77	N08.00.190	Đầu côn xanh	Dùng để cắm vào pipette để hút máu làm xét nghiệm; dùng trong y tế	Túi 500 cái	Nantong Renon - Trung Quốc	Cái	10.000	90	900.000
		Đè lưỡi (gỗ, inox, sắt) các loại, các cỡ							-
78	N08.00.240	Đè lưỡi gỗ tiết trùng	- Sản phẩm được làm từ gỗ tự nhiên, được sấy khô, 2 đầu được bo tròn, nhẵn bóng, không bị nứt, không lẫn bụi bẩn - Đầu bo và các cạnh nhẵn không có vết trầy xước dễ gây tổn thương cho bệnh nhân khi sử dụng. - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm (dài x rộng x dày) - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Hộp 100 cái	Công ty Cổ Phần Tanaphar - Việt Nam	Cái	5.000	198	990.000
		Miếng dán điện cực, điện cực dán, đệm điện cực các loại, các cỡ							-

79	N08.00.250	Điện cực tím nền xốp	Hình dạng: Tròn Mặt sau: Bọt PE Gel: gel Aquatic Cảm biến: Cảm biến Ag / AgCl Kích thước: 3,7x3,3mm	Túi 30 cái	Ludlow Technical Products - Canada	Cái	700	3.820	2.674.000
80		Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ							-
81	N08.00.310	Mặt nạ thở Oxy	• Làm bằng silicon hoặc plastic, có túi. • Các đường mép nhẵn, êm làm cho bệnh nhân dễ chịu và giảm sự kích ứng. • Dây dẫn cung cấp oxy dạng ống dài 200cm Túi 1 bộ. Đạt tiêu chuẩn ISO	Túi 1 bộ	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd - Trung Quốc	Bộ	500	14.400	7.200.000
82	N08.00.310	Mặt nạ xông khí dung	Mặt nạ khí dung làm bằng nhựa PVC y tế, kẹp mũi có thể điều chỉnh. Dây chống xoắn 2m, màu sắc trong suốt. Đóng gói riêng từng chiếc.	Túi 1 bộ	Henso Medical (Hangzhou) Co., Ltd.; Trung Quốc	Bộ	500	22.000	11.000.000

83	N08.00.310	Mask thở oxy Sơ sinh, người lớn + Trẻ em	• Làm bằng silicon hoặc plastic, có túi. • Các đường mép nhẵn, êm làm cho bệnh nhân dễ chịu và giảm sự kích ứng. • Dây dẫn cung cấp oxy dạng ống dài 200cm Túi 1 bộ. Đạt tiêu chuẩn ISO	Túi 1 cái	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd - Trung Quốc	Cái	500	14.400	7.200.000
84	N08.00.310	Bóng bóp oxy (Ambu bóp bóng)	Bóng bóp PVC có tay cầm, dung tích 1600ml tích hợp van giảm áp an toàn, phổi giả 2500ml. Dây oxy sử dụng một lần dài 2m, airway có chiều dài từ 80mm đến 100mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp 1 cái	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd - Trung Quốc	Cái	10	141.000	1.410.000
		Nhóm 7. Các loại vật tư y tế thay thế sử dụng trong một số thiết bị chẩn đoán, điều trị							-
		Bóng đèn hồng ngoại các loại, các cỡ							-

85	N08.00.250	Điện cực tím	Hình dạng: Tròn Mặt sau: Bọt PE Gel: gel Aquatic Cảm biến: Cảm biến Ag / AgCl Kích thước: 3,7x3,3mm	Túi 30 cái	Ludlow Technical Products - Canada	Cái	100	3.820	382.000
		Sinh phẩm và vật tư y tế khác							-
86		Giấy điện tim 3 cần	Dùng cho máy điện tim 3 cần. KT: 63MM X 30M X 16MM	Hộp 10 cuộn	Dongguan Tianyin Paper Industry Co., Ltd;Trung Quốc	Cuộn	80	17.000	1.360.000
87		Giấy điện tim 6 cần	Kích thước 110mm x 140mm x 143 sheets, phù hợp với máy của bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO 13485, EC	Túi 1 tệp	Dongguan Tianyin Paper Industry Co., Ltd;Trung Quốc	Tệp	70	31.000	2.170.000
88		Giấy in Monitor sản khoa	Dùng cho máy Monitor sản khoa	Túi 1 tệp	Dongguan Tianyin Paper Industry Co., Ltd;Trung Quốc	Tệp	50	91.000	4.550.000

89		Giấy in nhiệt	Chiều rộng 5,7cm. KT: 57MM X 30M X 16MM	Hộp 10 cuộn	Dongguan Tianyin Paper Industry Co., Ltd;Trung Quốc	Cuộn	100	10.000	1.000.000
90		Khẩu trang y tế 4 lớp	Được làm từ 4 lớp vô trùng.	Hộp 50 cái	An Lành - Việt Nam	Cái	20	760	15.200
91		Mũ giấy đã tiệt trùng	Sản phẩm mũ phẫu thuật được sản xuất từ chất liệu không dệt Polypropylen cao cấp, đã tiệt trùng, tăng độ bền, tiện sử dụng. Sản phẩm được dùng trong phòng mổ, phòng phẫu thuật thẩm mỹ,...Mũ phẫu thuật chỉ được sử dụng một lần duy nhất.	Túi 50 cái	An Phú - Việt Nam	Cái	3000	735	2.205.000
92		Lam kính mài	Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1” x 3”) ±1mm. Kính mài mờ 1 đầu.	Hộp 72 lá	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd;Trung Quốc 98	Hộp	50	320	16.000

93	Nhiệt kế thủy ngân	• Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân • Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C • Đo ở miệng: Đặt đầu có bầu kim loại dưới lưỡi và ngậm chặt miệng lại. Không nói chuyện hoặc cắn nhiệt kế khi sử dụng. • Chú ý: Không sử dụng cách này cho trẻ em • Đo ở nách : Nếu đặt ở nách thì để bầu thủy ngân vào hõm nách(bẹn), khép cánh tay vào ngực để kẹp giữ ống thủy . • Đặt nhiệt kế tối thiểu 5 phút ở miệng hoặc nách. • Xoay nhẹ nhiệt kế để nhìn xem mức thủy ngân.	Hộp 1 cái	Dong-E E-Jiao E-Hua Medical Equipment Co., Ltd;Trung Quốc	Cái	200	18.000	3.600.000
----	--------------------	---	-----------	--	-----	-----	--------	-----------

94		Gel bôi trơn (Gel KLY) Tuýp 82g • Gel bôi trơn được sử dụng trong điện liệu pháp, thăm khám bằng tay. Gel Kly dùng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo Nó không gây ra dị ứng, không gây kích ứng da. Hoà tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi. • Thành phần tối thiểu gồm: + Water + Glycerin + Monopropylen + Glycol + Hdroxyl ethyl cellulose + Methyl Hydroxybenzoate + Citric Acid + Không chứa muối và formaldehyde Quy cách: Tuýp/82 gr	Hộp 1 tuýp	Turkuaz Medikal, Kozmetik ve Dis Tic. Ltd Sti - Thổ Nhĩ Kỳ/Thổ Nhĩ Kỳ	Tuýp	50	48.500	2.425.000
----	--	--	------------	--	------	----	--------	-----------

95		Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh không cần nước	Thành phần: 70 % Ethanol (700mg/g) + 1,74% propanol-2-ol Dung dịch vệ sinh tay thường quy và vệ sinh tay ngoại khoa Dạng thixotropic gel, không màu, không mùi Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa theo yêu cầu của WHO: EN 12791. Diệt virus HIV, Rotavirus, Coronavirus, H1N1, virus gây bệnh tay chân miệng, SARS trong 30 giây theo tiêu chuẩn EN 14476	Chai 500ml	Anios - Pháp	Chai	200	139.755	27.951.000
96		Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Chlorhexidine digluconate 4% Dung dịch xà phòng diệt khuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa pH = 5.5 Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa theo yêu cầu của WHO: EN 12791. Diệt virus HIV, Rotavirus,	Chai 500ml	Laboratoires Anios - Pháp	Chai	200	126.775	25.355.000

			HBV, HCV.						
97		Dung dịch khử khuẩn dụng cụ y tế bao gồm cả dụng cụ nội soi không chịu nhiệt, có chứa OPA.	Thành phần: 0,55% Ortho-Phthalaldehyde, pH=7, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không cần hoạt hóa). Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Đạt tiêu chuẩn EN 14561, EN 14562, EN 17111 và EN 14563. Tái sử dụng trong 14 ngày (tặng kèm test thử để kiểm tra nồng độ OPA). Thời gian bảo quản dung dịch trong can sau khi mở nắp đến 3 năm. Tương thích với ống nội soi hãng Olympus...	Can 5 lít	Laboratoires Anios - Pháp	Can	20	1.034.000	20.680.000

98	Viên nén khử khuẩn các bề mặt cứng	Viên sỏi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosense Sodium 50% kl/kl. - 1 viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, - Dạng viên sỏi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm & gram dương Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ,	Hộp 100 viên	Ai len	Viên	2500	5.600	14.000.000
99	Vòi sô đa "Dùng để hấp thụ khí CO2 trong phòng chống độc"	Chế phẩm hóa học có thành phần chính là hỗn hợp canxi Hydroxit (Ca(OH)2) và natri Hydroxit (NaOH)	Can 4.5 lít	Molecular Products Ltd - Anh	Can	5	552.000	2.760.000
100	Cồn 96 độ được dụng	Nồng độ Ethanol 96%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Can 30 lít	Thuận Phát - Việt Nam	Lít	30	25.700	771.000
101	Dầu parafin đồng nhất không tạp chất	Không mùi, không vị . Không hòa tan trong nước và ethanol.	Can 30 lít	Thuận Phát - Việt Nam	Lít	30	51.450	1.543.500
102	Gel siêu âm	Cảm quan trong, đồng nhất, tan hoàn toàn trong nước. Độ PH(dung dịch 20% trong nước): 4,0-8,0. Giới hạn arsen không lớn	Can 5 lít	Việt Nam	Can 5 lít	8	115.000	920.000

		hơn 10 pmm. Không có Formaldehyd, không kích ứng da, độ nhiễm khuẩn trong phạm vi cho phép. Thẻ tích can 5 lít						
		Tổng cộng: 102 mặt hàng						1.934.337.950

Hóa chất xét nghiệm, Sinh phẩm Y tế

TT	MHH	Tên hàng hóa	Chủng loại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã có VAT)	Thành tiền
	1. Hoá chất sử dụng cho máy huyết học										
1	2023.HC.01	Dung dịch pha loãng	Mythic 18 Diluent	*Là dung dịch đẳng trương dùng để pha loãng mẫu máu trước khi xét nghiệm và để duy trì môi trường thích hợp trong quá trình xét nghiệm. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - Chất bảo quản - Đệm	20 lít/thùng	PZ COR MAY S.A	Ba Lan	Thùng	12	9.270.833	111.249.996

				- Natri clorua - chelator ion kim loại - Natri sunfat							
2	2023.HC.02	Dung dịch ly giải	Mythic 18 Cyanide free Lytic solution	*Dung dịch dùng để ly giải hồng cầu để giải phóng hemoglobin để dùng trong các xét nghiệm hemoglobin. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - Muối amoni bậc bốn - Potassium Chloride - Imidazole - Chất ổn định	1 lít/chai	PZ COR MAY S.A	Ba Lan	Chai	5	10.692.000	53.460.000

3	2023.HC. 03	Dung dịch rửa hệ thống	Mythic 18-22 Enzymat ic Cleaning Solution	*Dung dịch nhằm loại bỏ cặn của vật liệu sinh học khỏi hệ thống đo lường của máy phân tích huyết học. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - BRIJ 35 - EMPIGEN BB - EVERIS PRECISE - Sodium Chloride - Đệm - Chất ổn định - Chất bảo quản	1 lít/chai	PZ COR MAY S.A	Ba Lan	Chai	20	5.266.00 0	105.320.000
4	2023.HC. 04	Dung dịch enzym rửa	Mythic 18-22 Flush – Cleaner	*Dung dịch dùng để làm sạch định kỳ và khăn cấp hệ thống đo của máy phân tích huyết học. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - Active chlorine - Sodium Hydroxide - Chất ổn định - sodium chloride	250 ml/lọ	PZ COR MAY S.A	Ba Lan	Lọ	2	3.762.00 0	7.524.000

5	2023.HC.05	Hoá chất chuẩn	Myt-CAL	*Chất hiệu chuẩn sử dụng trong hiệu chuẩn máy phân tích huyết học	2,5 ml	R&D Systems, Inc	Mỹ	Lọ	2	2.400.000	4.800.000
	2. Hoá chất vật tư dùng cho máy sinh hoá										-
6	2023.HC.07	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	ALBUMIN	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2 x 125 mL + Std: 1x2mL; dải đo: 1,6-6 g/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R - Succinate buffer, pH 4.20 - Bromocresol green: 0.2 mmol/L - Surfactant Chất chuẩn: Std -Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L) - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/khối lượng	R: 2 x 125 ml + Std: 1x2ml	Elitech	Pháp	Hộp	7	2.640.000	18.480.000

7	2023.HC. 08	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GP T	ALT/GP T 4+1SL	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100ml + R2: 1x127ml; dải đo: 10- 450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.50 -L-alanine: 680 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 -Alpha- ketoglutarate: 97 mmol/L -NADH: 1,1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng	R1: 5x100 ml + R2: 1x127 ml	Elitec h	Pháp	Hộp	6	4.055.00 0	24.330.000
---	----------------	---	-------------------	--	--	-------------	------	-----	---	---------------	------------

8	2023.HC.09	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GO T	AST/GO T 4+1 SL	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100ml + R2: 1x127ml;; dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.8 -L-aspartate: 330 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -MDH: ≥ 1000 U/L -Sodium azide: $<0.1\%$ khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L -NADH: 1.1 mmol/L -Sodium azide: $<0.1\%$ khối lượng/khối lượng	R1: 5x100 ml + R2: 1x127 ml	Elitec h	Pháp	Hộp	6	5.110.000	30.660.000
---	------------	---	-----------------	---	-----------------------------	----------	------	-----	---	-----------	------------

9	2023.HC. 10	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct	Bilirubin Direct	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x100ml + R2: 1x25ml; dải đo: 0.08-10.55 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1. -Sulfanilic acid: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L	R1: 1x100 mL + R2: 1x25m L	Elitec h	Pháp	Hộp	8	4.500.00 0	36.000.000
10	2023.HC. 11	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total	BILIRU BIN TOTAL 4+1	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Toàn phần trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x100mL + R2: 1x50mL; dải đo: 0.25-25 mg/dL Hóa chất 1: R1. -Sulfanilic acid: 29 mmol/L -Cetrimide: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L	R1: 2x100 ml + R2: 1x50ml	Elitec h	Pháp	Hộp	4	4.715.00 0	18.860.000

11	2023.HC.12	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol	Cholesterol SL	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa; quy cách: R 6 x 100 ml + std: 1x5 ml; dải đo: 20 - 600 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R - Good's buffer, pH 6.7 - Phenol: 24 mmol/L - Cholesterol esterase: ≥ 180 U/L - Cholesterol oxidase: ≥ 200 U/L - Peroxidase: ≥ 1000 U/L - 4-aminoantipyrin (4-AAP): 0.5 mmol/L - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/khối lượng Cũng chứa surfactants (chất hoạt động bề mặt) và magnesium salts (muối magie) cho	R: 6 x 100 ml + Std: 1 x 5 ml	Elitech	Pháp	Hộp	2	10.500.000	21.000.000
----	------------	--	----------------	---	-------------------------------	---------	------	-----	---	------------	------------

				hiệu suất tối ưu. Chất chuẩn: Std - Cholesterol: 200mg/dL							
12	2023.HC. 13	Hóa chất xét nghiem định lượng Creatinin e	CREATI NINE JAFJE	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1x5ml; dải đo: 0.5- 15 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Picric acid 8.73 mmol/L Hóa chất 2: R2 - Sodium hydroxide:	R1: 1x125 ml + R2: 1x125 ml + Std: 1 x5ml	Elitec h	Pháp	Hộp	9	4.400.00 0	39.600.000

				312.5 mmol/L - Disodium phosphate 12.5 mmol/L Chất chuẩn: Std - Creatinine: 2 mg/dL (177µmol/L)							
13	2023.HC.14	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	UREA UV SL	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trên máy sinh hóa Quy cách R1: 4x50ml + R2: 2x26ml + Std: 1x5m; Dải đo: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL , nước tiểu 200-6000 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.60 -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: ≥ 8100 U/L -GIDH: ≥ 1350 U/L -Sodium azide:	R1: 4x50ml + R2: 2x26ml + Std: 1x5ml	Elitech	Pháp	Hộp	4	5.556.000	22.224.000

				<0.1% (khối lượng/ khối lượng) Hóa chất 2: R2 -NADH: 1.3 mmol/L -Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8.33 mmol/L)							
14	2023.HC. 15	Hóa chất chất xét nghiệm định lượng Glucose	GLUCO SE PAP SL	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa; quy cách: R: 6 x 100 ml + Std: 1x5 ml; dài đo: 20-400 mg/dL Hóa chất: R - Phosphate buffer, pH 7.4 - Phenol: 10 mmol/L - 4-aminoantipyrine: 0.3 mmol/L	R: 6 x 100 ml + Std: 1 x 5 ml	Elitec h	Pháp	Hộp	6	8.000.00 0	48.000.000

				- Peroxidase: ≥ 700 U/L - Glucose oxidase: ≥ 10000 U/L - Sodium azide: $<0.1\%$ khối lượng/khối lượng Chất chuẩn Std - D-glucose: 100 mg/dL (5.55 mmol/L)							
15	2023.HC.16	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần	TOTAL PROTEIN PLUS	Hóa chất xét nghiệm định lượng Total Protein trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2x125mL + Std: 1x5mL; Dải đo: 0.2-12 g/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R -Copper sulfate: 6 mmol/L -Sodium hydroxide: 490 mmol/L Cũng chứa iodide và muối tartrate cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std	R: 2x125 ml + Std: 1x5ml	Elitech	Pháp	Hộp	6	2.677.000	16.062.000

				-Albumin 6 g/ dL -Sodium azide: <0.1%							
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

16	2023.HC. 17	Hóa chất chất xét nghiệm định lượng Triglyceri des	TRIGLY CERIDE S MONO SL NEW	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trên máy xét nghiệm hóa sinh * Dải đo 30-1000 mg/dL (0.34-11.30 mmol/L) * Quy cách: R 6x50mL + Std 1x5mL *Thành phần: Hóa chất R - Good's buffer, pH 7.0 - P- chlorophenol: 2.7 mmol/L - ATP: 3.15 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.31 mmol/L - Lipoprotein lipase: ≥ 2000 U/L - Glycerol kinase: ≥ 500 U/L - Glycerol- 3- phosphater oxidase: ≥ 4000 U/L - Peroxidase: ≥ 500	R: 6x50ml + Std: 1x5ml	Elitec h	Pháp	Hộp	6	7.860.00 0	47.160.000
----	----------------	--	---	---	---------------------------------	-------------	------	-----	---	---------------	------------

				U/L - Sodium azide: <0.1% (Khối lượng/khối lượng) Cũng chứa muối magiê, FAD và surfactants cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std - Glycerol 200 mg/dL - Sodium azide: <0.1% (khối lượng/khối lượng)							
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

17	2023.HC. 18	Hóa chất chất xét nghiệm định lượng Acid uric	Uric Acid Mono SL	*Hóa chất xét nghiệm định lượng acid Uric trên máy xét nghiệm hóa sinh. * Quy cách: R 6x50ml + Std: 1x5ml *Dải đo: Huyết thanh/huyết tương: 1,5-25 mg/dL; Nước tiểu: 5-250 mg/dL *Thành phần: Hóa chất R: - Buffer, pH 7.0 - EHSPT: 0.72 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.37 mmol/L - Uricase: ≥ 150 U/L - Peroxidase: ≥ 12000 U/L - Sodium azide: <0.1% (khối lượng/khối lượng) Chất chuẩn Std: - Uric acid: 6 mg/dL (357 μ mol/L) - Sodium azide: <0.5% (khối	R: 6x50ml + Std: 1x5ml	Elitec h	Pháp	Hộp	7	6.710.00 0	46.970.000
----	----------------	--	----------------------------	---	---------------------------------	-------------	------	-----	---	---------------	------------

				lượng/khối lượng)							
18	2023.HC. 19	Dung dịch rửa hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa tự động	SYSTEM SOLUTION	Dung dịch dùng để rửa xét nghiệm hóa sinh. Quy cách: 1 L Thành phần: - Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/ khối lượng) - Cũng chứa chất hoạt động bề mặt.	1 L	Elitech	Pháp	Chai	5	5.544.000	27.720.000
19	2023.HC. 20	Hoá chất kiểm chuẩn thông	ELITROL I	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm bình thường cho các xét nghiệm	10 x 5 ml	Elitech	Pháp	Hộp	4	14.850.000	59.400.000

[illegible]

23	2023.SP.5 6	Huyết thanh mẫu Anti A	Anti A	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A: dòng vô tính sifin A- 11H5. ISO-13485	Hộp 1 lọ x 10ml	Sifin Diag nostic s Gmb H	Đức	Lọ	4	140.000	560.000
24	2023.SP.5 7	Huyết thanh mẫu Anti B	Anti B	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B: dòng vô tính sifin B- 6F9. ISO-13485	Hộp 1 lọ x 10ml	Sifin Diag nostic s Gmb H	Đức	Lọ	4	140.000	560.000
25	2023.SP.5 8	Huyết thanh mẫu Anti AB	Anti AB	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti- AB: dòng vô tính sifin A-5E10 và dòng vô tính sifin B- 2D7. ISO-13485	Hộp 1 lọ x 10ml	Sifin Diag nostic s Gmb H	Đức	Lọ	4	140.000	560.000

26	2023.SP.5 3	Khí Oxy bình (40 lít)	Khí Oxy Y tế dạng khí chứa trong bình chuyên dụng, hàm lượng Oxy $\geq 99,6\%$, hàm lượng nước thấp, không có chứa CnHm, không có chứa CO ₂ , không có chứa C ₂ H ₂ , không có chứa Ar + N ₂ ; Áp suất nạp 150bar, Thể tích khí nén 6 m ³ / bình 40 lít, 6,3 m ³ / bình 42 lít; và đạt các tiêu chuẩn sau: DĐVN III, ISO 13485; ISO 9001	Bình 40 lít		Việt Nam	Bình	450	269.000	121.050.000
27	2023.SP.5 4	Khí ÔXY bình (7 lít)	Khí Oxy Y tế dạng khí chứa trong bình chuyên dụng, hàm lượng Oxy $\geq 99,6\%$, hàm lượng nước thấp, không có chứa CnHm, không có chứa CO ₂ , không có chứa C ₂ H ₂ , không có chứa Ar + N ₂ ; Áp suất nạp 150bar, Thể tích khí nén	Bình 7 lít		Việt Nam	Bình	60	198.000	11.880.000

